

Số: 2115/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 12 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành
trong lĩnh vực quản lý giá thuộc thẩm quyền giải quyết
của các cơ quan trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1917/QĐ-BTC ngày 12/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực Quản lý giá thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 522/TTr-STC ngày 09/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quản lý giá thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan cấp tỉnh (có Phụ lục Danh mục kèm theo).

Điều 2. Nội dung chi tiết thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này thực hiện theo Quyết định số 1917/QĐ-BTC ngày 12/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 3. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; xây dựng, ban hành quy trình nội bộ, quy trình chi tiết, quy trình điện tử thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện theo quy định.



Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các Giám đốc Sở, Thủ trưởng ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, KT, NCKS.

Tung



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lại Văn Hoàn



Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Kiểm tra Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình).

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1	Hiệp thương giá	<p>- Thời hạn rà soát văn bản đề nghị hiệp thương giá: Tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hiệp thương giá;</p> <p>- Thời hạn để các bên bổ sung thông tin nếu văn bản đề nghị hiệp thương giá không đúng quy định: Tối đa 15 ngày làm việc;</p> <p>- Thời hạn tổ chức hiệp thương giá: Tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hiệp thương giá đủ điều kiện theo quy định.</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chi phí thuê tổ chức tư vấn xác định mức giá hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp bên mua và bên bán không thỏa thuận được mức giá tại hội nghị hiệp thương giá và tiếp tục đề nghị Cơ quan hiệp thương giá (Sở quản lý ngành, lĩnh vực) xác định mức giá để hai bên thực hiện	<p>- Quyết định số 1917/QĐ-BTC ngày 12/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh.</p>	Sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý.
2	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá	<p>- Thời hạn thẩm định phương án giá: Tối đa là 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ bảo đảm điều kiện để thẩm định phương án giá. Trường hợp phức tạp, thời gian tối đa để thẩm định được tính bổ sung tối đa 30 ngày.</p> <p>- Thời hạn trả lời nếu kiến nghị điều chỉnh giá không hợp lý: Trong tối đa 30</p>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Trường hợp cơ quan thực hiện là cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.	Không	<p>- Quyết định số 1917/QĐ-BTC ngày 12/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh.</p>	<p>- Cơ quan có thẩm quyền định giá: Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Cơ quan, đơn vị được Ủy</p>

theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	<p>ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.</p> <p><i>Thời hạn trình và ban hành văn bản định giá:</i></p> <p>+ Trường hợp hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá trong tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ do cơ quan thẩm định phương án giá trình.</p> <p>+ Trường hợp hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá: Cơ quan có thẩm quyền định khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu ban hành văn bản định khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu trong tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan có thẩm quyền định giá cụ thể gửi. Sau khi có khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu, cơ quan thẩm định phương án giá rà soát, trình cơ quan có thẩm quyền định giá cụ thể ban hành văn bản định giá cụ thể trong tối đa 30 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định phương án giá trình.</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện: Trường hợp cơ quan thực hiện là cơ quan, đơn vị cấp huyện.</p>			<p>ban nhân dân tỉnh phân công thực hiện nhiệm vụ thẩm định phương án giá theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.</p>
-----------------------------------	---	---	--	--	--